

KINH NGHIỆM SỬ DỤNG CÂY THUỐC CỦA DÂN TỘC M'NÔNG TỈNH ĐẮK LẮK

NGUYỄN PHƯƠNG HẠNH

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

LƯU ĐÀM CƯ

*Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Từ xa xưa, con người đã biết sử dụng cây cỏ để phòng và chữa bệnh. Cùng với sự phát triển của xã hội, kinh nghiệm về sử dụng cây thuốc của mỗi dân tộc ngày càng đa dạng và đặc trưng riêng. Dân tộc M'Nông là dân tộc bản địa của tỉnh Đắk Lắk, sống tập trung chủ yếu ở huyện Lắk, Krông Bông và Buôn Đôn. Cuộc sống trước đây của đồng bào dân tộc chủ yếu dựa vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên rừng, do vậy họ đã tìm tòi, học hỏi và tích lũy cho riêng mình một kho tàng tri thức quý báu về sử dụng cây cỏ làm thuốc. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân mà nay những kinh nghiệm quý báu đó đang dần bị xói mòn, đồng thời nguồn gen cây thuốc nơi đây đang đứng trước nguy cơ bị suy giảm nghiêm trọng. Điều này cho thấy cần phải thực hiện nghiên cứu, điều tra và tư liệu hóa tri thức bản địa về sử dụng cây thuốc để làm cơ sở cho công tác bảo tồn và phát triển bền vững trong tương lai. Nghiên cứu của chúng tôi được triển khai tại một số khu vực sinh sống của đồng bào M'Nông tỉnh Đắk Lắk trong năm 2012.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Các phương pháp nghiên cứu thực vật học truyền thống được sử dụng trong quá trình thu thập, xử lý và định tên mẫu vật [5].
- Phương pháp nghiên cứu thực vật dân tộc học (Gary J. Martin, 2002). Điều tra kinh nghiệm và tri thức dược học dân tộc chủ yếu dựa trên các phương pháp RRA và PRA [4].

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thành phần cây thuốc truyền thống của dân tộc M'Nông

Kết quả điều tra về cây thuốc được đồng bào M'Nông sử dụng bước đầu chúng tôi đã thu được 244 loài thuộc 179 chi và 84 họ (bảng 1).

Bảng 1

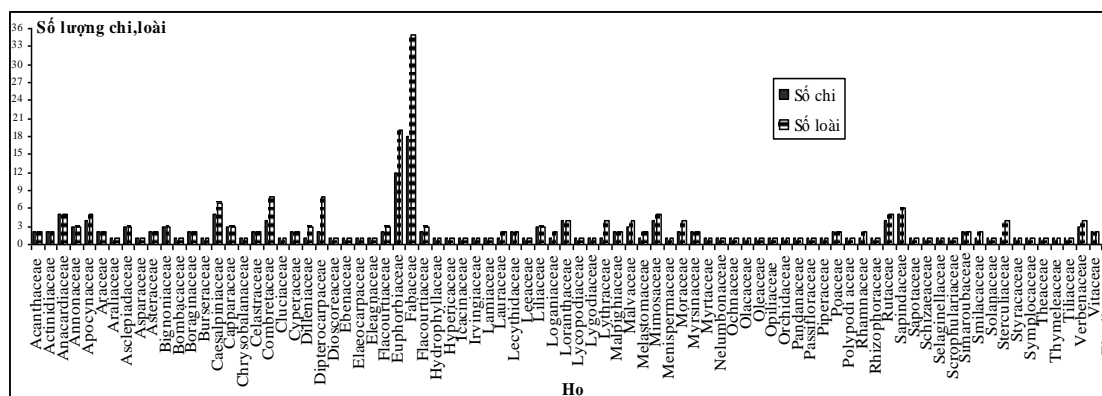
Sự phân bố các bậc taxon trong các ngành

Ngành		Họ		Chi		Loài	
Tên khoa học	Tên Việt Nam	SL	%	SL	%	SL	%
Lycopodiophyta	Thông đất	1	1,2	1	0,56	1	0,41
Polypodiophyta	Dương xỉ	1	1,2	2	1,12	3	1,23
Magnoliophyta	Ngọc lan	82	97,6	176	98,32	240	97,36
Tổng số		84	100	179	100	244	100

Ghi chú: SL-Số lượng.

Qua bảng 1 cho thấy, ngành Lycopodiopyta có 1 họ, 1 chi và 1 loài; ngành Polypodiophyta có 1 họ, 2 chi và 3 loài. Các taxon tập trung nhiều nhất ở ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với tổng số 240 loài (97,36%), 176 chi (98,32%), 82 họ (97,6%).

Trong số 82 họ thì họ Fabaceae có số loài được sử dụng làm thuốc nhiều nhất (35 loài); tiếp đến là họ Euphorbiaceae (19 loài) và họ Rubiaceae (17 loài) (hình 1). 8 họ có số loài được sử dụng từ 5-8 loài là họ Combretaceae và họ Dipterocarpaceae (8 loài), họ Caesalpiniaceae (7 loài), Sapindaceae (6 loài); họ Anacardiaceae, Apocynaceae, Mimosaceae và Rutaceae đều có 5 loài. Điều đáng chú ý là các họ đơn loài chiếm nhiều nhất (41 họ) và có 106 chi đều có 1 loài.



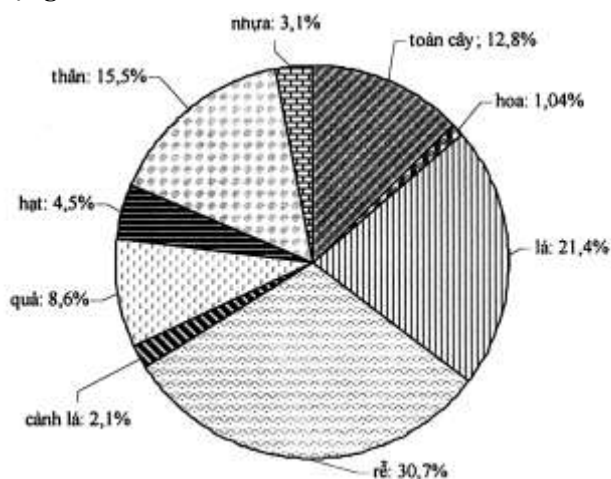
Hình 1. Sự phân bố số lượng loài, chi cây thuốc trong các họ

Các chỉ số đa dạng: Chỉ số đa dạng họ là 2,9 tức là trung bình mỗi họ có 3 loài; chỉ số đa dạng chi là 1,36 tức là trung bình mỗi chi có 1 loài; số chi trung bình mỗi họ là 2,13 tức là trung bình mỗi họ có 2 chi được đồng bào sử dụng làm thuốc.

Trong số các cây thuốc đã biết có 49,2% là cây gỗ, tiếp đến là cây thảo với 19,3%, cây leo là 16,4%, cây bụi 13,5%. Dạng cây ký sinh và phụ sinh được sử dụng ít nhất, mỗi loại chỉ chiếm 0,8%. Từ kết quả này giúp cho việc định hướng khai thác, sử dụng, bảo tồn và nhân trồng hiệu quả, bền vững.

2. Kinh nghiệm khai thác, chế biến và sử dụng

2.1. Bộ phận sử dụng



Hình 2. Đa dạng về các bộ phận sử dụng cây thuốc của dân tộc M'Nông

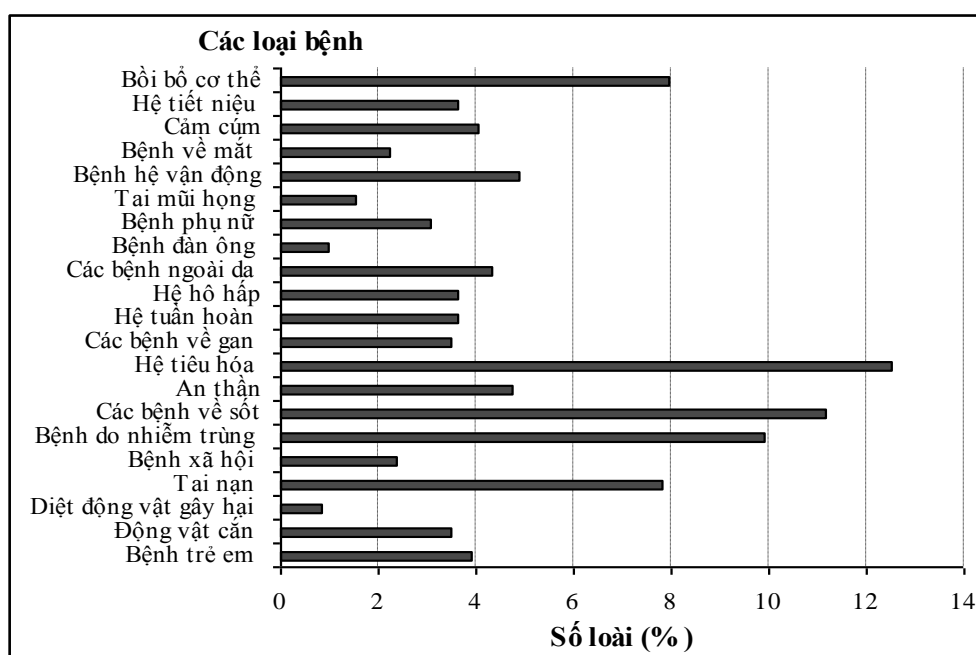
Đồng bào dân tộc M'Nông dùng thực vật chữa bệnh không phải lúc nào cũng dùng cả cây, mà tùy thuộc theo bệnh mà họ sử dụng các bộ phận khác nhau. Người ta có thể dùng một hay nhiều bộ phận của một loài hoặc kết hợp các loài với nhau để chữa bệnh. Do đó, việc sử dụng các bộ phận khác nhau phụ thuộc vào kinh nghiệm của từng ông lang, bà mẹ,...

Mỗi loài có thể sử dụng một đến vài bộ phận trên cây. Trong quá trình điều tra cho thấy, tất cả các bộ phận của cây thuốc đều có thể sử dụng. Sự đa dạng về bộ phận sử dụng và cách dùng cây thuốc theo kinh nghiệm người M'Nông khá phong phú. Bộ phận được sử dụng nhiều nhất là rễ (30,7%), tiếp theo là lá (21,4%), thân và vỏ thân (15,5%), toàn cây (12,8%), quả (8,6%),... và sử dụng ít nhất là hoa (1,04%).

Việc sử dụng rễ hoặc cả cây sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến số lượng cá thể các loài cây thuốc, gây khó khăn cho công tác quản lý và bảo tồn. Do đó, cần có các biện pháp gây trồng các cây thuốc sử dụng rễ và cả cây nhằm mục đích bảo tồn và phát triển bền vững nguồn dược liệu, đặc biệt là các cây thuốc quý hiếm.

2.2. Cách chế biến và công dụng

Dựa theo kết quả điều tra trong nhân dân về kinh nghiệm sử dụng cây thuốc, chúng tôi chia thành các nhóm bệnh chính dưới đây (hình 3).



Hình 3. Đa dạng về công dụng của thực vật làm thuốc

Số loài dùng chữa các bệnh liên quan đến đường tiêu hóa như kích thích ăn, đau bụng, ỉa chảy, ỉy, đau dạ dày, đại tràng, ... chiếm tỷ lệ lớn nhất (12,5%), tiếp đến là nhóm các bệnh về sốt như sốt, sốt rét, sốt phát ban, ... chiếm 11,1%, các bệnh nhiễm trùng và bôi bổ cơ thể chiếm tỷ lệ loài 8-9%, ...

Trước đây, cây thuốc rất dễ thu hái nên đồng bào M'Nông chủ yếu dùng trực tiếp ở dạng tươi và chế biến thuốc dưới các dạng chính là đun nước hay giã nát uống, đắp. Nhưng nay, khi nguồn nguyên liệu khan hiếm họ đã biết dự trữ cây thuốc bằng cách phơi khô dùng dần và ngâm rượu để uống hoặc xoa bóp.

Mỗi loại cây thuốc sẽ có những cách chế biến khác nhau tùy thuộc vào cách chữa của từng ông lang, bà mẹ và tùy thuộc vào tình trạng của người bệnh. Trong đó, phương pháp thái lát mỏng phơi khô đun nước uống được sử dụng nhiều nhất hiện nay, ngoài ra có thể dùng ngâm rượu để uống hoặc xoa bóp, hoặc có thể đun nước tắm, xông hơi,... So với kết quả điều tra ở các dân tộc phía Bắc, dân tộc M'Nông có kinh nghiệm độc đáo cả trong chế biến và sử dụng [1, 2].

3. Tình hình sử dụng cây thuốc truyền thống

3.1. Vai trò của cây thuốc Nam trong hệ thống chăm sóc sức khỏe của cộng đồng

Ngày xưa, người M'Nông chỉ biết chữa bệnh bằng kinh nghiệm sử dụng thực vật làm thuốc. Ngày nay, họ đã được tiếp cận với y học hiện đại nhưng do đời sống quá khó khăn và nhận thức còn lạc hậu nên cây thuốc Nam vẫn đóng vai trò chủ lực trong việc chữa bệnh lúc ban đầu. Theo kết quả điều tra vào thời điểm hiện nay có đến 90% dân số đồng bào M'Nông vẫn dùng cây thuốc để chữa các bệnh khác nhau như bệnh về gan, thận, gãy xương, vô sinh, rắn cắn, tiêu chảy, thận, bồi bổ cơ thể nhất là cho phụ nữ sinh đẻ và các bệnh ngoài da,... Điều này cho thấy cây thuốc truyền thống có vai trò quan trọng trong đời sống của người dân địa phương, nhất là trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Ngoài ra, cây thuốc không những đóng vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe mà còn là sinh kế của các hộ dân nghèo nơi đây.

3.2. Các loài cây thuốc quý hiếm đang bị đe dọa

Thực vật được khai thác để chữa bệnh cho người dân địa phương với lượng không nhiều, nhưng khai thác vì mục đích thương mại theo đường tiểu ngạch với số lượng rất lớn đã dẫn đến nhiều loài cây thuốc bị suy giảm quần thể nghiêm trọng và có nguy cơ bị tuyệt chủng ngoài thiên nhiên, được ghi nhận trong Sách Đỏ Việt Nam và trong Danh mục thực vật rừng nghiêm cấm, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Bước đầu chúng tôi xin thống kê một số loài cây thuốc quý hiếm, có nguy cơ cạn kiệt hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng (bảng 2).

Bảng 2

Các cây thuốc quý hiếm có nguy cơ cạn kiệt

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Họ	SĐVN 2007	NĐ 32/2006/NĐ-CP
1	<i>Hydnophytum formicarum</i>	Bí kỳ nam	Rubiaceae	EN	
2	<i>Myrmecodia armata</i>	Ồ kiến gai	Rubiaceae	VU	
3	<i>Melientha suavis</i>	Rau sắng	Opiliaceae	VU	
4	<i>Coscinium fenestratum</i>	Vàng đắng	Menispermaceae		II.A
5	<i>Drynaria bonii</i>	Tắc kè đá	Polypodiaceae	VU	
6	<i>Drynaria fortunei</i>	Cốt toái bổ	Polypodiaceae	EN	
7	<i>Euonymus chinensis</i>	Đỗ trọng tía	Celastraceae	EN	
8	<i>Rauwolfia cambodiana</i>	Ba gạc lá to	Apocynaceae	VU	
9	<i>Anoectochilus setaceus</i>	Lan kim tuyến	Orchidaceae	EN	I.A
10	<i>Afzelia xylocarpa</i>	Cà te	Caesalpiniaceae	EN	II.A

Chú thích: SĐVN: R: Hiếm (Rare), EN: Nguy cấp (Endangered), VU: Sẽ nguy cấp (Vulnerable). NĐ 32/2006/NĐ-CP: I.A: Nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; II.A: Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

III. KẾT LUẬN

1. Đã điều tra được 244 loài thực vật được đồng bào M'Nông sử dụng làm thuốc thuộc 84 họ và 179 chi. Trong đó, có tới 82 họ thuộc ngành Magnoliophyta và họ Fabaceae chiếm số loài nhiều nhất (35 loài), tiếp đến là họ Euphorbiaceae (19 loài) và họ Rubiaceae (17 loài),....

2. Đồng bào dân tộc M'Nông có kinh nghiệm độc đáo trong lĩnh vực sử dụng cây thuốc. Rễ là bộ phận được sử dụng nhiều nhất chiếm 30,7%, tiếp theo là lá (21,4%), thân và vỏ thân (15,5%), toàn cây (12,8%), quả (8,6%),...; sử dụng ít nhất là hoa (1,04%). Cây thuốc được sử dụng điều trị 21 nhóm bệnh khác nhau. Trong đó, các bệnh về đường tiêu hóa chiếm tỷ lệ loài lớn nhất với 12,5%, tiếp theo là các bệnh về sốt với 11,1%, các bệnh nhiễm trùng và bồi bổ cơ thể chiếm tỷ lệ loài 8-9%,...

3. Cây thuốc Nam vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc phòng và chữa bệnh cũng như tăng nguồn thu nhập cho các hộ dân nghèo. Điều này dẫn đến nhiều loài cây thuốc có nguy cơ cạn kiệt hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng.

Lời cảm ơn: Tác giả chân thành cảm ơn Ban Chủ nhiệm Chương trình Tây Nguyên III, Chủ nhiệm đề tài TN-13, các sở, ban ngành tỉnh Đắk Lắk đã giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lưu Đàm Cư**, 2004. Cây thuốc truyền thống của dân tộc Dao huyện Sa Pa, Lào Cai, Hội nghị toàn quốc-Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống. NXB. KHKT.
2. **Võ Văn Chi**, 1997. Từ điển cây thuốc Việt Nam. NXB. Y học, Hà Nội.
3. **Gary J. Martin**, 2002. Thực vật dân tộc học. Sách về bảo tồn. NXB. Nông nghiệp (Bản dịch tiếng Việt), 363 trang.
4. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.

EXPERIENCE IN USING MEDICINAL PLANTS BY THE M'NONG PEOPLE IN DAK LAK PROVINCE

NGUYEN PHUONG HANH, LUU DAM CU

SUMMARY

The M'Nong people use diverse medicinal plants. They usually gathers 244 medicinal plants which belong to 179 genera and 84 families. The roots are the most used (30.7%), followed by leaves (21.4%), stems and barks (15.5%)... The parts least used are flowers (1.04%). Medicinal plants used to treat 21 various types of diseases: Digestive disorder with the most use (12.5%), followed by fever (11.1%), and infectiou y an important role in primary healthcare of the M'Nong people as well as income generation diseases and tonic (8-9%)... Thus medicinal plants and their knowledge still pla for poor households. Many medicinal plants are at risk of depletion or in danger of extinction.